số nhạc cụ nhất định như trống; và dây bằng ruột súc vật hay dây kim loại khi xác định được làm dây mặt trống (dây căng dưới mặt trống để tăng âm) của trống cơm.

*

* *

Nhóm này cũng bao gồm: (1) **Giá đỡ để sửa chữa nhạc cụ**. Bệ (**trừ các loại** chân đế loại một chân (monopods), hai chân (bipods), ba chân (tripods) và các sản phẩm tương tự của **nhóm 96.20**) **để đỡ một nhạc cụ** (ví dụ, trống cơm hoặc saxophone).

(2) **Các bộ phận cơ để chơi dụng cụ âm nhạc**. Chúng là những thiết bị phụ sử dụng cho những nhạc cụ có bàn phím để những nhạc cụ này có thể chơi theo cách cơ học bằng các thẻ, đĩa hoặc trục quay; những thiết bị này được điều khiển bằng tay quay, bàn đạp hoặc ống gió, hoặc có thể chạy bằng cơ học hay sử dụng điện. Chúng có thể được đặt bên trong hay bên ngoài nhạc cụ (thường là pianô hay đàn đạp hơi)

(3) **Thẻ, đĩa hay trục quay** cho các nhạc cụ tự động; các mặt hàng này được phân loại vào nhóm này cho dù chúng được để cùng với các thiết bị sử dụng chúng hay không (xem Chú giải 2 của Chương này).

*

* *

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Các mặt hàng có công dụng chung đã định nghĩa trong Chú giải 2 của phần XV như bản lề, tay nắm, đồ trang trí (ví dụ, cho đàn piano), các mặt hàng bằng kim loại cơ bản (**Phần XV**), và các mặt hàng tương tự bằng plastic (**Chương 39**).

(b) Các dụng cụ so dây (**nhóm 82.05**).

(c) Động cơ chạy bằng dây cót (hoạt động kiểu đồng hồ) không gắn các bộ phận khác sử dụng cho hộp nhạc hoặc dụng cụ cơ khí tạo tiếng chim hót (**nhóm 84.12**).

(d) Máy đồng hồ cá nhân và đồng hồ thời gian không gắn kèm các bộ phận hay phụ kiện của các nhạc cụ (**nhóm 91.08 đến 91.10**).

(e) Ghế đẩu để ngồi chơi đàn pianô (**nhóm 94.01**), giá đỡ hoặc bàn được thiết kế đặt trên mặt đất, mặt sàn (**nhóm 94.03**) và giá cắm nến cho pianô (**nhóm 94.05**).

(f) Colophan đã đổ khuôn, dùng cho vĩ (**nhóm 96.02**).

(g) Chổi làm sạch cho sáo, kèn ôboa,... (**nhóm 96.03**).

instruments such as drums; and the catgut or metal strings (snares) which cross the snare-heads of side-drums, when identifiable as such.

*

* *

The heading also covers: (1) **Music holders for fixing to instruments. Stands** (**other than** monopods, bipods, tripods and similar articles, of **heading 96.20**) **for holding an instrument** (e.g. side-drums or saxophones).

(2) **Mechanical devices for playing a musical instrument**. These are auxiliary devices enabling keyboard instruments to be played mechanically with cards, discs or rolls; they may be operated by handles, pedals or by bellows, or may be mechanically or electrically driven. They may be fitted inside or outside the instrument (pianos or harmoniums usually).

(3) **Cards, discs and rolls**, for automatic musical instruments; these articles are classified here whether or not presented together with the instruments for which they are intended (see Note 2 to this Chapter).

*

* *

The heading also **excludes**:

(a) Articles of general use as defined in Note 2 to Section XV, such as hinges, handles, fittings (e.g., for pianos), of base metal (**Section XV**), and similar goods of plastics (**Chapter 39**).

(b) Timing tools (**heading 82.05**).

(c) Spring-operated (clockwork) motors, not fitted with other parts, for musical boxes or mechanical singing birds (**heading 84.12**).

(d) Watch or clock movements not fitted with parts or accessories of musical instruments (**headings 91.08 to 91.10**).

(e) Piano stools (**heading 94.01**), music-stands or desks constructed for placing on the floor or ground (**heading 94.03**) and candle brackets for pianos (**heading 94.05**).

(f) Rosin for bow-strings, in moulded shapes (**heading 96.02**).

(g) Cleaning brushes for flutes, oboes, etc. (**heading 96.03**).

Phần XIX

VŨ KHÍ VÀ ĐẠN; CÁC BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN CỦA CHÚNG

Chương 93

Vũ khí và đạn; các bộ phận và phụ kiện của chúng

Section XIX

ARMS AND AMMUNITION; PARTS AND ACCESSORIES THEREOF

Chapter 93

Arms and ammunition; Parts and accessories thereof

Chú giải.

1.- Chương này không bao gồm:

(a) Hàng hóa thuộc Chương 36 (ví dụ, ngòi nổ, kíp nổ, pháo hiệu);

(b) Những bộ phận có công dụng chung, như đã định nghĩa trong Chú giải 2 của Phần XV, bằng kim loại cơ bản (Phần XV), hoặc hàng hóa tương tự bằng plastic (Chương 39);

(c) Xe chiến đấu bọc thép (nhóm 87.10);

(d) Kính ngắm hoặc thiết bị quang học khác phù hợp để sử dụng với vũ khí, trừ loại đã được lắp với súng cầm tay hoặc loại được thiết kế phù hợp và đi cùng với súng cầm tay (Chương 90);

(e) Cung, tên, kiếm bịt đầu hoặc đồ chơi (Chương 95); hoặc

(f) Bộ sưu tập hoặc đồ cổ (nhóm 97.05 hoặc 97.06).

2.- Trong nhóm 93.06, khái niệm "bộ phận của chúng" không bao gồm thiết bị vô tuyến hoặc ra đa thuộc nhóm 85.26.

Notes.

1.- This Chapter does not cover:

(a) Goods of Chapter 36 (for example, percussion caps, detonators, signalling flares);

(b) Parts of general use, as defined in Note 2 to Section XV, of base metal (Section XV), or similar goods of plastics (Chapter 39);

(c) Armoured fighting vehicles (heading 87.10);

(d) Telescopic sights and other optical devices suitable for use with arms, unless mounted on a firearm or presented with the firearm on which they are designed to be mounted (Chapter 90);

(e) Bows, arrows, fencing foils or toys (Chapter 95); or

(f) Collectors' pieces or antiques (heading 97.05 or 97.06).

2.- In heading 93.06, the reference to " parts thereof " does not include radio or radar apparatus of heading 85.26.

TỔNG QUÁT

Chương này bao gồm:

(1) Các loại vũ khí dùng cho tác chiến trên bộ, biển hay trên không do quân đội, cảnh sát hay các lực lượng khác (hải quan, biên phòng, vv...) sử dụng.

(2) Các loại vũ khí được sử dụng bởi cá nhân với mục đích tự vệ, săn bắn, bắn bia (ví dụ: ở trường bắn, phòng tập bắn hoặc ở hội chợ), .v.v.

(3) Những khí cụ khác sử dụng sức nổ của thuốc súng (ví dụ: súng phóng dây, súng ngắn).

(4) Đạn và tên lửa (**trừ** những mặt hàng thuộc **Chương 36**).

Trừ một vài trường hợp ngoại lệ (xem Chú giải của nhóm 93.05 và 93.06) Chương này cũng bao gồm bộ phận và phụ kiện của các vũ khí và các bộ phận của đạn.

Kính ngắm và các thiết bị quang học khác sử dụng với vũ khí và đã được lắp trên chúng (vũ khí), hay đi kèm với súng cầm tay được thiết kế để lắp chúng được phân loại cùng với loại vũ khí tương ứng. Các trường hợp còn lại, như những thiết bị quang học này **bị loại trừ** (**Chương 90**).

Các phương tiện vận tải **bị loại trừ** khỏi Chương này cho dù chúng được thiết kế chỉ sử dụng cho mục đích quân sự và cho dù có được lắp vũ khí hay không. Do vậy, Chương này cũng **loại trừ** các phương tiện ví dụ: các phương tiện bọc thép được dùng trên đường sắt (**Chương 86**), xe tăng và xe thiết giáp (**nhóm 87.10**), máy bay quân sự (**nhóm 88.01, 88.02** hoặc **88.06**), và

GENERAL

This Chapter covers:

(1) Arms of all descriptions designed for ground, sea or air warfare, for use by military armed forces or by the police or other organised services (customs, frontier guards, etc.).

(2) Arms for use by private persons for defence, hunting, target shooting (e.g., in miniature ranges, shooting galleries or fairground stands), etc.

(3) Other devices which operate by the firing of an explosive charge (e.g., line-throwing guns and Very pistols).

(4) Ammunition and missiles (**other than** articles of **Chapter 36**).

Subject to a few **exceptions** (see the Explanatory Notes to headings 93.05 and 93.06), the Chapter also includes parts and accessories of arms and parts of ammunition.

Telescopic sights and other optical devices suitable for use with arms and mounted thereon, or presented with the firearms on which they are designed to be mounted, are classified with the arm. Otherwise presented, such optical devices are **excluded** (**Chapter 90**).

Vehicles are **excluded** from this Chapter even if they are designed solely for military use, and whether or not they are fitted with weapons. The Chapter therefore **excludes**, for example, armoured railway vehicles (**Chapter 86**), tanks and armoured cars (**heading 87.10**), military aircraft (**heading 88.01, 88.02** or **88.06**), and warships (**heading 89.06**).

chiến hạm (**nhóm 89.06**). Tuy nhiên, những vũ khí được trình bày riêng của các phương tiện này,... (như súng, súng máy, v.v.) vẫn thuộc Chương này (xem Chú giải nhóm 93.01 về một số loại vũ khí gắn trên những phương tiện đường sắt hay đường bộ).

However, separately presented arms for these vehicles, etc. (guns, machine-guns, etc.), fall in this Chapter (see the Explanatory Note to heading 93.01 with regard to certain arms mounted on railway or road vehicles).

Những mặt hàng sau cũng **bị loại trừ khỏi** Chương này:

The following are also **excluded** from this Chapter:

(a) Mũ sắt và các loại mũ quân sự khác (**Chương 65**).

(a) Steel helmets and other military headgear (**Chapter 65**).

(b) Áo giáp cá nhân ví dụ: áo giáp, áo giáp kim loại kiểu choàng, áo chống đạn, vv... (được phân loại theo vật liệu cấu thành).

(b) Personal protective armour, e.g., cuirasses, coats of mail, bullet-proof jackets, etc. (classified according to their constituent materials).

(c) Nỏ, cung và tên, cũng như những vũ khí khác mang tính chất đồ chơi (**Chương 95**).

(c) Cross-bows, bows and arrows for archery, and arms having the character of toys (**Chapter 95**).

(d) Bộ sưu tập hay đồ cổ (**nhóm 97.05** hay **97.06**).

(d) Collectors' pieces and antiques (**heading 97.05** or **97.06**).

Vũ khí và các bộ phận của chúng trong Chương này có thể có phần bằng kim loại quý, kim loại dát phủ bằng kim loại quý, dát ngọc trai tự nhiên hay nuôi cấy, đá quý hay đá bán quý (tự nhiên, tổng hợp, hoặc tái tạo), đồi mồi, xà cừ, ngà và những chất liệu tương tự.

The arms and parts thereof of this Chapter may contain precious metal, metal clad with precious metal, natural or cultured pearls, precious and semi-precious stones (natural, synthetic or reconstructed), tortoise-shell, mother-of-pearl, ivory and similar materials.

93.01 - Vũ khí quân sự, trừ súng lục ổ quay, súng lục và các loại vũ khí thuộc nhóm 93.07.

93.01 - Military weapons, other than revolvers, pistols and the arms of heading 93.07.

9301.10 - Vũ khí pháo binh (ví dụ, súng, súng cối và súng moóc trê)

9301.10 - Artillery weapons (for example, guns, howitzers and mortars)

9301.20 - Bệ phóng tên lửa; súng phun lửa; súng phóng lựu đạn; ống phóng ngư lôi và các loại súng phóng tương tự

9301.20 - Rocket launchers; flame-throwers; grenade launchers; torpedo tubes and similar projectors

9301.90 - Loại khác

9301.90 – Other

Nhóm này bao gồm toàn bộ vũ khí dùng cho quân đội **trừ** súng lục ổ quay và súng lục **thuộc nhóm 93.02** và vũ khí **thuộc nhóm 93.07**. Nhóm này cũng bao gồm những vũ khí và súng cầm tay được thiết kế theo dạng là bộ phận của các chiến hạm, toa xe bọc thép, phương tiện bay, xe tăng hoặc xe thiết giáp, khi chúng được trình bày riêng lẻ.

This heading covers all military weapons **other than** the revolvers and pistols of **heading 93.02** and the arms of **heading 93.07**. The heading includes separately presented weapons and firearms designed to form part of the armament of vessels, armoured trains, aircraft, tanks or armoured cars.

Nhóm này bao gồm:

The heading includes:

(1) **Vũ khí pháo binh và các loại vũ khí hỗ trợ cho bộ binh**, tức là các loại đại bác và pháo (đặt cố định hay gắn trên bánh hơi, bánh xích,.v.v.) như pháo mặt đất, pháo hạng trung, hạng nặng hay đại pháo, pháo tầm xa, pháo phòng không, pháo chống tăng, súng moóc trê và súng cối.

(1) **Artillery weapons and infantry support weapons**, i.e., all types of cannon and ordnance (fixed or on wheels, tracks, etc.), such as field, medium, heavy and super-heavy artillery, long-range guns, anti-aircraft gun, anti-tank gun howitzers and mortars.

Pháo tầm xa được gắn trên xe goòng cũng được phân loại vào nhóm này (không thuộc Chương 86). Các loại pháo cơ động và tự hành cũng được phân loại ở nhóm này. Tuy nhiên cần phân biệt với xe tăng và các loại phương tiện bọc thép chiến đấu khác thuộc **nhóm 87.10**.

Long-range guns mounted on railway wagons also fall in this heading (and not in Chapter 86). Mobile and self-propelled guns, which should be distinguished from tanks and other armoured fighting vehicles of **heading 87.10**, are also classified here.

(2) **Các vũ khí** bắn liên thanh và cực nhanh, trong đó một số là vũ khí cá nhân.

(2) **Arms** capable of continuous and very rapid fire; some are suitable for handling by one man.

Nhóm này bao gồm súng máy, súng tiểu liên và các loại súng bắn liên thanh khác.

This group includes machine-guns, sub-machine-guns (machine-pistols) and other continuous-fire weapons.

(3) **Các vũ khí dùng cho quân đội như súng trường và carbin.**

(4) **Các loại súng phóng quân sự đặc biệt khác**, ví dụ súng và ống phóng tên lửa **khác với các loại thuộc nhóm 93.03**, thiết bị phóng bom phá tầu ngầm, ống phóng thủy lôi, súng phun lửa (thiết bị để phóng một chất dễ cháy vào quân thù) **trừ** loại súng phun lửa chuyên dùng để diệt cỏ (**nhóm 84.24**).

93.02 - Súng lục ổ quay và súng lục, trừ các loại thuộc nhóm 93.03 hoặc 93.04.

Nhóm này bao gồm súng lục ổ quay và súng lục các cỡ, có thể phóng ra một đầu đạn (**không kể** pháo hiệu) bằng sức nổ của một liều thuốc nổ và được chế tạo để cầm và bắn bằng tay.

Súng lục ổ quay là loại vũ khí một nòng có ổ đạn quay.

Súng lục có một hay nhiều nòng. Chúng có thể thay đổi các nòng. Súng lục bán tự động khi có băng đạn, chứa nhiều viên, mỗi phát bắn phải bóp cò một lần.

Nhóm này cũng bao gồm các kiểu súng lục và súng lục ổ quay; và cũng bao gồm những súng lục và súng lục ổ quay có hình dạng những đồ vật khác nhau như bút chì, dao nhíp hay bao thuốc lá, **với điều kiện** chúng thực sự là súng cầm tay.

Nhóm này **không bao gồm** những loại vũ khí bắn liên thanh (tức là những vũ khí sử dụng đạn của súng ngắn và khi bóp cò thì đạn nổ liên tiếp cho đến khi hết băng đạn hoặc cho đến khi nhả cò); những vũ khí được phân loại vào **nhóm 93.01** như là súng ngắn bắn liên thanh (tiểu liên). Chúng có thể cầm trên tay khi bắn nhưng thông thường có báng có thể kéo dài.

Ngoài ra nhóm này **không bao gồm**:

(a) Súng bắn gia súc giết mổ, súng bắn pháo hiệu, súng lục hay súng lục ổ quay (nòng súng đặc hoặc bị bịt hoặc với ổ tiếp đạn hình nón) bắn đạn không đầu để ra lệnh xuất phát, dùng trên sân khấu, súng ngắn dùng "thuốc đen" chỉ có thể nhồi thuốc vào nòng được thiết kế không phải để bắn đạn và cũng không thể bắn đạn (**nhóm 93.03**).

(b) Súng lục sử dụng lò xo, hơi hoặc khí ga (**nhóm 93.04**).

93.03 - Súng cầm tay (firearm) khác và các loại tương tự hoạt động bằng cách đốt cháy lượng thuốc nổ đã nạp (ví dụ, súng shotgun thể thao và súng trường thể thao, súng cầm tay nạp đạn phía nòng, súng ngắn và các loại khác được thiết kế chỉ để phóng pháo hiệu, súng lục và súng lục ổ quay để bắn đạn giả, súng bắn gia súc giết mổ, súng phóng dây).

9303.10 - Súng cầm tay nạp đạn phía nòng

(3) **Military firearms such as rifles and carbines.**

(4) **Other specialised militaiy projectors**, for example, military rocket projectors and launchers, **other than** those of **heading 93.03**; apparatus for the discharge of depth-charges; torpedo tubes; flame-throwers (apparatus for projecting an ignited volatile liquid at an enemy) **other than** flame guns specialised for destroying weeds (**heading 84.24**).

93.02 - Revolvers and pistols, other than those of heading 93.03 or 93.04.

This heading covers revolvers and pistols, whatever the calibre, which are capable of discharging any missile (**other than** signal flares) by firing an explosive charge, and which are designed to be held in and fired from the hand.

Revolvers are single barrelled firearms incorporating a revolving cylinder.

Pistols have one or more barrels. They may also have interchangeable barrels. Semi-automatic pistols have a magazine which can be loaded with several rounds of ammunition, but the trigger must be operated for each round fired.

The heading also covers miniature pistols and revolvers; it also includes such weapons made in the form of other objects, for example, pencils, pocket knives or cigarette cases, **provided** they are, in fact, firearms.

The heading **excludes** continuous fire weapons (i.e., those which use pistol ammunition and which, once pressure has been applied to the trigger, continue to fire until either the magazine is exhausted or pressure is released from the trigger); these are classified in **heading 93.01** as sub-machine-guns (machine-pistols). They may be capable of being fired from the hand, but usually have extended stocks.

The heading also **excludes**:

(a) Captive-bolt type humane killers, Very pistols for the discharge of signal flares, pistols or revolvers for the firing of blank cartridges (with solid or blocked barrels, or with tapered cylinders) for race-starting, theatrical property pistols, " black powder " muzzle-loading pistols neither designed for nor capable of firing a cartridge (**heading 93.03**).

(b) Spring, air or gas pistols (**heading 93.04**).

93.03- Other firearms and similar devices which operate by the firing of an explosive charge (for example, sporting shotguns and rifles, muzzle-loading firearms, Very pistols and other devices designed to project only signal flares, pistols and revolvers for firing blank ammunition, captive-bolt humane killers, line-throwing guns).

9303.10 - Muzzle-loading firearms

9303.20 - Súng shotgun thể thao, súng shotgun săn hoặc súng shotgun bắn bia khác, kể cả súng trường - shotgun kết hợp (combination shotgun-rifles)

9303.30 - Súng trường thể thao, súng trường săn hoặc súng trường bắn bia khác

9303.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm tất cả các loại súng cầm tay **không thuộc các nhóm 93.01** và **93.02**, và cũng bao gồm một số thiết bị không phải vũ khí nhưng hoạt động bằng cách đốt cháy lượng thuốc nổ đã nạp.

Nhóm này bao gồm:

(1) **Súng trường thể thao, súng trường đi săn và súng trường bắn bia, súng trường và súng carbin** mọi kích cỡ, có nòng nhẵn hay rãnh xoắn ~~các cỡ~~. Súng trường thể thao và súng trường đi săn thường có nhiều hơn một nòng súng, đôi khi có một nòng nhẵn và một nòng có rãnh xoắn và cũng có loại có nòng thay đổi được (có rãnh xoắn và nhẵn). Các bộ phận bằng kim loại của chúng thường được chạm trổ và báng được khắc. Súng trường bắn bia thường chỉ có một nòng.

Các loại súng này có thể hoặc bắn mỗi lần một viên đạn và phải nạp đạn bằng tay sau mỗi phát bắn, hoặc chúng có thể được lắp băng đạn cho phép bắn liên tục, hoặc chúng có thể có cơ cấu cho phép bắn nhanh bán tự động.

Loại súng trường thể thao trông giống như gậy chống cũng thuộc nhóm này.

(2) **Súng bắn vịt (súng bắn chim nước)** được thiết kế riêng để bắn các loại chim trên mặt nước. Chúng thường được gắn trên một chân đỡ để có thể gắn cố định trên thuyền.

(3) **Súng cầm tay nạp đạn (thuốc súng đen) phía nòng** được thiết kế không phải để bắn đạn và cũng không thể bắn đạn.

(4) **Súng ngắn và các loại khác được thiết kế chỉ để phóng pháo hiệu.**

(5) **Súng giả, vật có hình dạng súng lục và súng lục ổ quay hoặc súng lục và súng lục ổ quay an toàn** chỉ có thể bắn đạn không đầu. Nòng của những loại súng này có thể đặc, hoặc bị vít kín có một lỗ thoát khí. Một số loại súng lục ổ quay nhất định có ổ tiếp đạn hình nón, hay một số loại súng ngắn không nòng để ra hiệu lệnh hoặc dùng trên sân khấu. Khi dùng ra hiệu lệnh xuất phát chúng có thể được gắn với những thiết bị điện để khởi động các dụng cụ bấm giờ.

(6) **Súng bắn gia súc giết mổ.** Loại này có bề ngoài giống như súng ngắn bắn đạn không đầu. Sức nổ đẩy một chốt trượt về phía trước trong nòng để giết chết hay làm choáng con vật. Chốt không rời khỏi súng và được kéo về vị trí cũ để bắn tiếp.

Nhóm này **không bao gồm** loại súng bắn đạn (thường là loại đạn cỡ lớn), đôi khi dùng để giết súc vật (**nhóm 93.02**).

9303.20 - Other sporting, hunting or target-shooting shotguns, including combination shotgun-rifles

9303.30 - Other sporting, hunting or target-shooting rifles

9303.90 - Other

This heading includes all firearms **not covered by headings 93.01** and **93.02**; it includes some devices which are not weapons but which operate by the firing of an explosive charge.

The heading includes:

(1) **Sporting, hunting and target shooting guns, rifles and carbines** of all calibres, smooth-bored or rifled. Sporting and hunting guns frequently have more than one barrel and sometimes have one smooth-bore barrel and one rifled barrel and may have interchangeable barrels (smooth-bore and rifled). They often have decorative chasing on metal parts and carved butts. Target shooting guns usually have only one barrel.

These guns may fire only one round at a time and be required to be reloaded manually after each shot, or they may be fitted with a magazine and capable of repetition firing, or they may have a mechanism for rapid semi-automatic fire.

Sporting guns made to resemble walking-sticks are included in this group.

(2) **Duck cannon (punt-guns),** specially designed for shooting waterfowl. They are usually mounted on a stand or support designed to be fixed to a boat.

(3) **Muzzle-loading (" black powder ") firearms** neither designed for nor capable of firing a cartridge.

(4) **Very pistols and other devices designed to project only signal flares.**

(5) **Dummy, imitation or safety pistols and revolvers** capable of firing only blank cartridges. They may have solid or blocked barrels with a vent for the escape of gases. Certain revolvers may have the chambers in the cylinder tapered, while some starters' or stage property pistols have no barrel. When used for starting races, these pistols may be fitted with electrical devices which actuate chronometer equipment.

(6) **Captive-bolt humane killers.** These resemble pistols for firing blank cartridges. The explosion drives forward a bolt sliding within the barrel in order to kill or stun the animal. The bolt does not leave the pistol but is drawn back for further use.

The heading **excludes** bullet-type pistols (usually of large calibre), occasionally used for slaughtering animals (**heading 93.02**).

(7) **Súng phóng dây,** chủ yếu để sử dụng trên tàu thuyền hay trạm cứu nạn để cứu nạn và thiết lập thông tin giúp cho các hoạt động cứu nạn được dễ dàng.

(8) **Súng phóng lao**, dùng để phóng mũi lao được nối với một sợi dây nhằm bắt cá, các động vật biển có vú, rùa, .v.v.

(9) **Súng báo động, súng cối, và các loại tương tự**, sử dụng đạn không đầu được dùng để báo động (ví dụ như ở các trạm cứu nạn), bắn trong ngày lễ hoặc để báo động có người xâm phạm, .v.v.

(10) **Đại bác tạo mưa (Hail cannon),** loại đại bác chứa một miếng sắt hình nón cụt dùng bắn vào đám mây gây ra mưa.

Nhóm này **không bao gồm** những dụng cụ đóng đinh tán, đóng chốt, v.v...hoạt động bằng sức nổ của thuốc nổ (**nhóm 82.05**).

93.04 - Vũ khí khác (ví dụ, súng và súng lục sử dụng lò xo, hơi hoặc khí ga, dùi cui), trừ các loại thuộc nhóm 93.07.

Nhóm này gồm những vũ khí **khác với** súng cầm tay các loại thuộc các **nhóm từ 93.01 đến 93.03** và vũ khí thuộc **nhóm 93.07.**

Nhóm này bao gồm:

(1) **Dùi cui, gậy ngắn có bịt chì ở đầu, gậy và những thứ tương tự** dùng cho cảnh sát, .v.v...và **gậy chống.**

(2) **Quả đấm sắt**, là một vật bằng kim loại được lồng vào nắm tay để lực đấm mạnh hơn.

(3) **Súng cao su**, được thiết kế để bắn chim hoặc thú nuôi. Chúng có thể dưới dạng một chiếc gậy chống.

Súng cao su đồ chơi **bị loại trừ (nhóm 95.03).**

(4) **Các loại súng, súng trường và súng lục dùng hơi.** Về hình dáng những vũ khí này giống như các chủng loại tương tự, nhưng có thiết bị nén không khí để khi bóp cò thiết bị này sẽ xả luồng khí nén vào nòng súng và phóng viên đạn đi.

Các loại súng, súng trường, súng lục dựa trên cùng nguyên lý này, nhưng dùng ga thay cho không khí cũng được xếp vào nhóm này.

(5) **Những vũ khí tương tự hoạt động bằng sức bật của lò xo.**

(6) **Các loại súng và súng lục**, hoạt động bằng khí carbonic nén để phóng từ xa một "xoranh" (bơm tiêm) tự động chứa thuốc gây mê hay thuốc chữa bệnh (vắc xin, huyết thanh miễn dịch,v.v.) vào động vật thả rong.

(7) **Bình xịt chứa hơi cay.**

93.05 - Bộ phận và phụ kiện của các loại vũ khí thuộc các nhóm từ đến 93.04.

9305.10 - Của súng lục ổ quay hoặc súng lục

9305.20 - Của súng shotgun hoặc súng trường thuộc nhóm 93.03

- Loại khác:

(7) **Line-throwing guns**, used mainly on board ship or at lifeboat stations for life-saving and establishing communication.

(8) **Harpoon guns**, used for propelling a harpoon attached to a line to catch fish, marine mammals, turtles, etc.

(9) **Warning guns, mortars and similar apparatus**, firing blank ammunition, used to raise an alarm (e.g., at lifeboat stations), to celebrate an event or to give warning of the presence of poachers, etc.

(10) "**Hail cannon**", a kind of cannon consisting of a truncated sheet-iron cone, for firing at hail clouds to cause rain.

The heading **excludes** riveting tools, wall-plugging tools, etc., operated by means of an explosive charge **(heading 82.05).**

93.04 - Other arms (for example, spring, air or gas guns and pistols, truncheons), excluding those of heading 93.07.

The heading covers arms **other than** firearms of **headings 93.01 to 93.03** and arms of **heading 93.07.**

It includes the following:

(1) **Truncheons, life-preservers, weighted canes and the like** for police, etc., and **loaded walking-sticks.**

(2) **Knuckledusters**, i.e., pieces of metal shaped to fit a clenched fist and with which blows are delivered.

(3) **Catapults** designed for shooting at birds or pests. They may be in the form of a walking-stick.

Toy catapults are **excluded (heading 95.03).**

(4) **Air guns, rifles and pistols.** These resemble normal rifles, pistols, etc., but they have provision for compressing a column of air which is released into the barrel of the weapon when the trigger is pulled, thus ejecting the ammunition.

Guns, rifles and pistols operating on the same principle, but with gases other than air, are also included.

(5) **Similar weapons operated by the release of a heavy spring mechanism.**

(6) **Guns and pistols,** operated by compressed carbon dioxide gas, for remote projection of an automatic syringe, containing an anaesthetic or a medicament (antiserum, vaccine, etc.) at free-roaming animals.

(7) **Aerosol spray cans containing tear gas.**

93.05 - Parts and accessories of articles of headings 93.01 to 93.04.

9305.10 - Of revolvers or pistols

9205.20 - Of shotguns or rifles of heading 93.03

- Other:

9305.91 - - Của vũ khí quân sự thuộc nhóm 93.01

9305.99 - - Loại khác

Các bộ phận và phụ kiện thuộc nhóm này bao gồm:

(1) **Các bộ phận của vũ khí quân sự**, dù có hay không các thiết bị ngắm hay nạp đạn, ví dụ như nòng súng (vỏ ngoài của nòng), bộ phận giật và khóa nòng của súng các loại, tháp pháo, giá súng, chân đế ba chân và các loại giá đỡ đặc biệt khác cho súng, súng máy, tiểu liên, .v.v.

(2) **Các bộ phận bằng kim loại đúc, rèn hay dập của các loại vũ khí quân sự nhỏ cầm tay, súng thể thao và súng bắn bia,..., súng lục và súng lục ổ quay** như nòng súng, khóa nòng, chốt khoá nòng, vành che cò súng, lẫy khóa, tay gạt kim hoả, cò súng, lẫy khoá, búa kim hoả, cơ phận bật và bắt vỏ đạn (của súng lục), tấm mặt, tấm đáy, khoá an toàn, ổ đạn (của súng lục ổ quay), thước ngắm, đầu ruồi, băng đạn.

(3) **Vỏ bọc, hộp bảo vệ** của báng súng, thước ngắm, nòng súng hay khóa nòng.

(4) **Nòng phụ nhỏ (nòng Moris),** gồm các nòng cỡ nhỏ lắp vào súng nòng lớn hoặc súng trường cỡ lớn để bắn tập ở cự li gần.

(5) **Báng súng và các bộ phận bằng gỗ khác** cho súng, súng trường hay cacbin, cũng như **báng súng và các tấm ốp** (bằng gỗ, kim loại, ebonite, vv) dùng cho súng lục và súng lục ổ quay.

(6) **Khoá, dây đeo, giá dựng súng, khớp nối và thanh ngắm** dùng cho súng ngắn, súng trường hoặc súng cacbin.

(7) **Bộ phận giảm thanh** (điều tiết âm thanh)

(8) **Bộ phận chống giật có thể tháo lắp được** dùng cho súng thể thao hay súng bắn bia.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Các bộ phận có công dụng chung đã định trong Chú giải 2 của Phần XV (ví dụ, đinh vít, ri vê, lò xo), bằng kim loại cơ bản (**Phần XV**) hoặc hàng hóa tương tự bằng plastic (**Chương 39**).

(b) Bao súng (**nhóm 42.02**).

(c) Máy quay kiểm tra tác xạ dùng cho máy bay (**nhóm 90.07**).

(d) Kính ngắm ~~bắn xa~~ và các loại kính ngắm tương tự dùng cho vũ khí (**nhóm 90.13**).

(e) Các phụ kiện được bao hàm một cách cụ thể hơn ở các nhóm khác trong danh mục như dây thông giẻ lau nòng súng, que lau nòng súng và các dụng cụ khác để lau chùi vũ khí (**nhóm 82.05, 96.03,** vv....).

93.06 - Bom, lựu đạn, ngư lôi, mìn, tên lửa và các loại đạn dược tương tự và bộ phận của chúng; đạn cát tut (cartridge) và các loại đạn khác và đầu đạn và các bộ phận của chúng, kể cả nùi đạn gém và nùi đạn cát tút (cartridge).

- Đạn cát tút (cartridge) cho súng shotgun và các bộ phận của chúng; đạn viên cho súng hơi:

9205.91 - - Of military weapons of heading 93.01

9305.99 - - Other

The parts and accessories of this heading include:

(1) **Parts for military weapons**, e.g., liners (tubes for barrels), recoil mechanisms and breeches for guns of all kinds; turrets, carriages, tripods and other special mountings for guns, machine-guns, sub-machine-guns, etc., whether or not with aiming and loading mechanisms.

(2) **Metal castings, stampings and forgings, for military small arms, sporting and target shooting guns, etc., revolvers and pistols**, e.g., barrels, breeches, locks, trigger guards, tumblers, levers, percussion hammers, cocking pieces, triggers, sears, extractors, ejectors, frames (of pistols), plates, butt plates, safety catches, cylinders (for revolvers), front and back sights, magazines.

(3) **Protective covers and protective cases**, for butts, sights, barrels or breeches.

(4) **Morris tubes, etc**. (small bore tubes for insertion in heavier calibre guns and rifles for practice on miniature ranges).

(5) **Butt stocks and other wooden parts** for guns, rifles or carbines and **butts and plates** (of wood, metal, ebonite, etc.) for revolvers and pistols.

(6) **Slings, band, piling or stacking and butt swivels and swivel bands** for guns, rifles or carbines.

(7) **Silencers** (sound moderators).

(8) **Removable recoil absorbers** for sporting or target shooting guns.

The heading **excludes**:

(a) Parts of general use as defined in Note 2 to Section XV (e.g., screws, rivets and springs), of base metal (**Section XV**), and similar goods of plastics (**Chapter 39**).

(b) Gun cases (**heading 42.02**).

(c) Gun cameras for aircraft (**heading 90.07**).

(d) Telescopic sights and similar sights for arms (**heading 90.13**).

(e) Accessories more specifically covered by other headings of the Nomenclature, such as pull-throughs, cleaning rods and other cleaning tools for arms (**headings 82.05, 96.03**, etc.).

93.06 - Bombs, grenades, torpedoes, mines, missiles and similar munitions of war and parts thereof; cartridges and other ammunition and projectiles and parts thereof, including shot and cartridge wads.

- Shotgun cartridges and parts thereof; air gun pellets:

9306.21 - - Đạn cát tút (cartridge)

9306.29 - - Loại khác

9306.30 - - Đạn cát tút (cartridge) khác và các bộ phận của chúng

9306.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm:

(A) **Các loại đạn** ví dụ như:

(1) Đạn pháo (đạn nổ, đạn trái phá, đạn xuyên giáp, đạn pháo sáng, đạn lửa, đạn vạch đường đạn khói. vv...) cũng như các loại đạn khác chc các loại súng và súng cối.

(2) Đạn cát tút (cartridge) các loại: không có đầu đạn (bao gồm đạn không nạp chì dùng cho dụng cụ tán đinh rivê hay dùng cho bộ phận đánh lửa nén hơi của động cơ piston đốt cháy trong), cho đạn "bắn" thông thường, đạn lửa, đạn mảnh, đạn dùng cho súng thể thao, vv.

(3) Đạn nhỏ (rỗng, hình cầu, thắt eo, vv...) và các mũi phi tiêu nhỏ dùng cho các loại súng, súng trường, súng ngắn sử dụng hơi, lò xo, ga, **không kể** đạn cho vũ khí là đồ chơi thuộc **nhóm 95.03.**

(B) **Tên lửa đạn đạo** loại tên lửa có đầu đạn quay lại trái đất sau khi được phóng lên điểm cao nhất để tạo cho đầu đạn một vận tốc giới hạn không quá 7.000m/giây.

(C) **Các loại đạn có chứa những phương tiện đẩy riêng sau khi phóng**, như ngư lôi, bom bay (loại tên lửa được gắn trên máy bay chiến đấu) và các loại tên lửa (kể cả loại có điều khiển).

(D) **Các loại đạn khác sử dụng trong chiến tranh**, như các loại mìn và thủy lôi, bom chìm, lựu đạn ném bằng tay, phóng bằng súng và bom thả từ máy bay.

(E) **Các loại lao**, cho dù có hay không có đầu nổ, dùng cho các loại súng phóng lao, vv.

(F) **Các bộ phận của đạn dùng trong chiến tranh** như:

(1) Vỏ của các loại lựu đạn, mìn, bom, đạn trái phá và ngư lôi.

(2) Vỏ và các bộ phận khác của đạn cartridge, ví dụ như đáy (bằng đồng), các chi tiết bên trong (bằng kim loại hay bìa), vật nhồi (bằng dạ phớt, giấy, lie, vv).

(3) Đầu đạn hay đầu chì của viên đạn

(4) Ngòi nổ các loại (ở đầu đạn, hoặc ở đáy), nổ chậm hay nổ ngay, ngòi nổ cận đích được điều khiển điện tử, .v.v. dùng cho đạn trái phá, ngư lôi, .v.v.; và các bộ phận của ngòi nổ bao gồm cả vỏ bảo vệ.

(5) Các bộ phận cơ khí như chân vịt đặc biệt hay con quay hồi chuyển đặc biệt dùng cho ngư lôi.

(6) Đầu nổ và khoang nổi của ngư lôi.

9306.21 - - Cartridges

9306.29 - - Other

9306.30 - Other cartridges and parts thereof

9306.90 - Other

This heading includes:

(A) **Ammunition**, e.g.:

(1) Shells (explosive, shrapnel, armour piercing, star, flare, tracer, incendiary, smoke, etc.), and all other types of ammunition for guns and mortars.

(2) Cartridges of all types: blank (including blank cartridges for riveting tools or for starting compression ignition internal combustion piston engines), bulleted, tracer, incendiary, armour piercing, ball and shot cartridges for sporting guns, etc.

(3) Slugs, pellets (hollow, spherical, waisted, etc.) and darts for air, gas or spring guns, carbines or pistols, **other than** those for toys of **heading 95.03.**

(B) **Ballistic missiles** whose payload returns to the earth’s surface after reaching its apogee and which impart to the payload a terminal velocity not exceeding 7,000 m/s.

(C) **Munitions of a type which contain their own means of propulsion after launching**, for example, torpedoes, flying bombs (missiles resembling aircraft), guided air missiles and rocket type ammunition.

(D) **Other munitions of war**, for example, land and sea mines, depth charges, hand and rifle grenades, aerial bombs.

(E) **Harpoons**, whether or not with explosive heads, for harpoon guns, etc.

(F) **Parts of ammunition and munitions of war,** for example:

(1) Grenade, mine, bomb, shell and torpedo bodies.

(2) Cartridge cases and other parts of cartridges, for example, bases (of brass), inner cups and inner bases and linings (of metal or paperboard) and wads (of felt, paper or cork, etc.).

(3) Bullets and lead shot, prepared for ammunition.

(4) Fuses (point and base detonating), whether time, percussion or proximity (electronically operated), for shells, torpedoes, etc.; parts of fuses, including protective caps.

(5) Mechanical parts for certain munitions, such as special propellers and gyroscopes for torpedoes.

(6) War-heads and buoyancy chambers for torpedoes.

(7) Kim hoả, chốt an toàn, mỏ gạt và các bộ phận khác của lựu đạn.

(8) Bộ phận thăng bằng cho bom.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Thuốc phóng và thuốc nổ dù đã ở dạng sẵn sàng sử dụng cho các loại đạn (**nhóm 36.01 và 36.02**); ngòi an toàn, ngòi nổ, nụ xòe hoặc kíp nổ, bộ phận đánh lửa và kíp nổ điện, bao gồm cả mồi cho đạn trái phá (**nhóm 36.03**).

(b) Pháo hiệu và pháo mưa (**nhóm 36.04**).

(c) Chất liệu nạp cho các dụng cụ chữa cháy cũng như lựu đạn chữa cháy (**nhóm 38.13**).

(d) Động cơ thuộc các **nhóm 84.11 84.12** dùng cho tên lửa, ngư lôi và các tên lửa tương tự.

(e) Các máy vô tuyến điện hay rada **thuộc nhóm 85.26** (xem Chú giải 2 của Chương này)

(f) Máy đồng hồ cá nhân, đồng hồ thời gian và các bộ phận của chúng được dùng cho đạn hay các bộ phận của đạn (ví dụ cho các ngòi nổ) (**các nhóm từ 91.08 đến 91.10** và **nhóm 91.14**).

93.07 - Kiếm, đoản kiếm, lưỡi lê, giáo và các loại vũ khí tương tự và bộ phận của chúng, vỏ và bao cho chúng.

Nhóm này bao gồm những vũ khí như kiếm (kể cả gậy có lưỡi kiếm bên trong), đoản kiếm, lưỡi lê, giáo, thương, lao, kích, dao quắm dùng cho lính biệt kích, dao găm của dân miền cao nguyên êcôt hoặc thủy thủ, dao găm nhỏ và dao găm. Lưỡi của các vũ khí này thường làm bằng thép tốt và trong một số trường hợp có vỏ bảo vệ đi kèm.

Những vũ khí nói trên vẫn được phân loại vào nhóm này cho dù chúng chỉ được sử dụng trong các nghi lễ hay cho các mục đích trang trí hoặc làm đồ dùng biểu diễn trên sân khấu.

Phần lớn các vũ khí này đều có một lưỡi cố định, nhưng một số dao găm và dao găm nhỏ có thêm một lưỡi cơ động thường nằm trong cán, lưỡi này có thể được bật ra và cài cố định bằng tay hay bằng bộ phận lò xo.

Nhóm này cũng bao gồm những bộ phận như lưỡi kiếm (kể cả lưỡi mới rèn, chưa hoàn chỉnh), vỏ, cán và chuôi, bao dùng cho kiếm, lưỡi lê, dao găm, vv.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Thắt lưng to bản và những thứ tương tự để đeo kiếm, lưỡi lê, vv bằng da (**nhóm 42.03**) hay bằng vật liệu dệt (**nhóm 62.17**) để đeo kiếm, lưỡi lê,... cũng như các dây cầm gươm (thường thuộc **nhóm 42.05** hay **63.07**).

(b) Dao dùng đi săn, dao đi cắm trại và các loại dao khác (**nhóm 82.11**), hoặc vỏ của chúng (thường thuộc **nhóm 42.02**).

(7) Strikers, safety pins, levers and other parts of grenades.

(8) Fins for bombs.

The heading **excludes**:

(a) Propellant powders and prepared explosives, even if put up in forms ready for incorporation in munitions (**headings 36.01** and **36.02**); safety fuses, detonating fuses, percussion and detonating caps, igniters and electric detonators, including primers for shells (**heading 36.03).**

(b) Signalling flares and rain rockets (**heading 36.04**).

(c) Charges for fire-extinguishers, and charged fire-extinguishing grenades (**heading 38.13**).

(d) Motors of **heading 84.11** or **84.12**, for rockets, torpedoes and similar missiles.

(e) Radio or radar apparatus of **heading 85.26** (see Note 2 to this Chapter).

(f) Watch or clock movements and parts thereof, for munitions or for parts of munitions (e.g., for fuses) (**headings 91.08 to 91.10** and **91.14**).

93.07 - Swords, cutlasses, bayonets, lances and similar arms and parts thereof and scabbards and sheaths thereof.

This heading covers weapons such as swords (including sword-sticks), cutlasses, bayonets, lances, spears, pikes, halberds, kukris commando knives, dirks, stilettos and daggers. Their blades usually consist of high quality steel, and in some cases a more or less elaborate shield or handguard is included.

The weapons remain classified in this heading even if used only for ceremonial or decorative purposes, or as theatrical properties.

Most of the weapons have a fixed blade, but some daggers and stilettos may have a movable blade normally housed within the handle. The blade may be opened and locked in position by hand or by a spring mechanism.

This heading also includes parts, for example, sword blades (including blanks therefor, even if only forged), hilts, guards and handles, and scabbards and sheaths for swords, bayonets, daggers, etc.

The heading **does not cover**:

(a) Belts and similar accoutrements, designed to support swords, bayonets, etc., of leather (**heading 42.03**) or of textile materials (**heading 62.17**); sword-knots (generally **heading 42.05** or **63.07**).

(b) Hunting, camping and other knives, being cutlery (**heading 82.11**) or sheaths for such knives (generally **heading 42.02**).

(c) Bao và bọc (dao) bằng kim loại quý hoặc bằng kim loại được dát phủ kim loại quý (**nhóm 71.15**).

(d) Kiếm dùng trong môn thể thao đấu kiếm (**nhóm 95.06**).

(c) Scabbards and sheaths of precious metal or of metal clad with precious metal (**heading 71.15**).

(d) Fencing foils (**heading 95.06**).

Phần XX

CÁC MẶT HÀNG KHÁC

Section XX

MISCELLANEOUS MANUFACTURED ARTICLES

Chương 94

Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nhồi tương tự; đèn (luminaires) và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép

Chapter 94

Furniture; bedding, mattresses, mattress supports, cushions and similar stuffed furnishings; luminaires and lighting fittings, not elsewhere specified or included; illuminated signs, illuminated name-plates and the like; prefabricated buildings

Chú giải.

1.- Chương này không bao gồm:

(a) Đệm, gối hoặc nệm, bằng hơi hoặc nước, thuộc Chương 39, 40 hoặc 63;

(b) Gương được thiết kế để đặt trên sàn hoặc nền (ví dụ, gương đứng ngả được (gương quay)) thuộc nhóm 70.09;

(c) Các mặt hàng thuộc Chương 71;

(d) Các bộ phận có công dụng chung như đã định nghĩa trong Chú giải 2 của Phần XV, bằng kim loại cơ bản (Phần XV), hoặc các loại hàng hóa tương tự bằng plastic (Chương 39), hoặc két an toàn thuộc nhóm 83.03;

(e) Đồ nội thất được thiết kế đặc biệt như bộ phận của các thiết bị làm lạnh hoặc kết đông thuộc nhóm 84.18; đồ nội thất được thiết kế đặc biệt dùng cho máy khâu (nhóm 84.52);

(f) Đèn hoặc nguồn sáng và bộ phận của chúng thuộc Chương 85;

(g) Đồ nội thất được thiết kế đặc biệt như bộ phận của các thiết bị thuộc nhóm 85.18 (nhóm 85.18), thuộc nhóm 85.19 hoặc 85.21 (nhóm 85.22) hoặc thuộc các nhóm từ 85.25 đến 85.28 (nhóm 85.29);

(h) Các mặt hàng thuộc nhóm 87.14;

(ij) Ghế nha khoa có gắn kèm các dụng cụ chữa răng thuộc nhóm 90.18 hoặc ống nhổ dùng trong nha khoa (nhóm 90.18);

(k) Các mặt hàng thuộc Chương 91 (ví dụ, đồng hồ thời gian và vỏ đồng hồ thời gian);

(l) Đồ nội thất có tính chất đồ chơi hoặc đèn (luminaires) và bộ đèn đồ chơi (nhóm 95.03), bàn bi-a hoặc đồ nội thất khác được cấu tạo đặc biệt dùng cho các trò chơi (nhóm 95.04), đồ nội thất cho trò ảo thuật hoặc để trang trí (trừ các loại dây đèn) như đèn lồng Trung Quốc (nhóm 95.05); hoặc

Notes.

1.- This Chapter does not cover:

(a) Pneumatic or water mattresses, pillows or cushions, of Chapter 39, 40 or 63;

(b) Mirrors designed for placing on the floor or ground (for example, cheval-glasses (swing-mirrors)) of heading 70.09;

(c) Articles of Chapter 71;

(d) Parts of general use as defined in Note 2 to Section XV, of base metal (Section XV), or similar goods of plastics (Chapter 39), or safes of heading 83.03;

(e) Furniture specially designed as parts of refrigerating or freezing equipment of heading 84.18; furniture specially designed for sewing machines (heading 84.52);

(f) Lamps or light sources and parts thereof of Chapter 85;

(g) Furniture specially designed as parts of apparatus of heading 85.18 (heading 85.18), of heading 85.19 or 85.21 (heading 85.22) or of headings 85.25 to 85.28 (heading 85.29);

(h) Articles of heading 87.14;

(ij) Dentists' chairs incorporating dental appliances of heading 90.18 or dentists' spittoons (heading 90.18);

(k) Articles of Chapter 91 (for example, clocks and clock cases);

(l) Toy furniture or toy luminaires and lighting fittings (heading 95.03, billiard tables or other furniture specially constructed for games (heading 95.04), furniture for conjuring tricks or decorations (other than lighting strings) such as Chinese lanterns (heading 95.05); or